

Số: /2026/NQ-HĐND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách thúc đẩy phát triển cơ chế cộng sinh công nghiệp và hình thành các khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2050

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Khóa ..., Kỳ họp thứ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 87/2025/QH15;
Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;
Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025;
Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 115/2025/QH15;
Căn cứ Luật Phát triển đô thị số 18/2026/QH16;
Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế;
Căn cứ Nghị định số 243/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn và Nghị định số 58/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Điện lực về phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới;
Căn cứ Nghị định số .../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ quy định cơ chế, chính sách phát triển thành phố Đồng Nai;
Xét Tờ trình số ... /TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số ... /BC-BPC ngày ... tháng ... năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định cơ chế cộng sinh công nghiệp và hình thành khu công nghiệp sinh thái trên địa bàn thành phố Đồng Nai giai đoạn 2026-2035, định hướng đến năm 2050.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định cơ chế, chính sách của thành phố Đồng Nai về cộng sinh công nghiệp và chuyển đổi, thành lập mới và phát triển khu công nghiệp sinh thái đến năm 2035, định hướng đến năm 2050.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp;
- b) Nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu công nghiệp được chứng nhận sinh thái;
- c) Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động cộng sinh công nghiệp;
- d) Tổ chức tín dụng, quỹ tài chính, tổ chức khoa học và công nghệ, tổ chức tư vấn, tổ chức cung cấp công nghệ và các tổ chức có liên quan;
- đ) Cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện

1. Phù hợp với quy hoạch, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị, quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan.

2. Tuân thủ pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, doanh nghiệp, khoa học và công nghệ, tài chính, tín dụng và pháp luật có liên quan.

3. Doanh nghiệp được đặt ở vị trí trung tâm, được khuyến khích tham gia các hoạt động cộng sinh công nghiệp, kinh tế tuần hoàn trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi và bảo đảm hiệu quả kinh tế.

4. Ưu tiên giải pháp đồng thời tạo ra nhiều kết quả: tiết kiệm tài nguyên, giảm chi phí, giảm chất thải, giảm phát thải khí nhà kính và nâng cao hiệu quả sử dụng hạ tầng.

5. Bảo đảm công khai, minh bạch, không tạo ra rào cản đầu tư, kinh doanh trái pháp luật.

6. Không thành lập cơ quan, tổ chức hoặc đơn vị mới để thực hiện Nghị quyết.

7. Đối với khu công nghiệp hiện hữu đồng thời thuộc danh mục hoặc đề án chuyển đổi, tái cấu trúc khu công nghiệp của Thành phố, việc xác định phương án tổng thể, phạm vi, ranh giới, phân kỳ, xử lý chuyển tiếp đối với dự án, đất đai, hạ tầng, người lao động và các quyền, lợi ích hợp pháp thực hiện theo quy định về chuyển đổi, tái cấu trúc khu công nghiệp. Việc đáp ứng tiêu chí khu công nghiệp sinh thái, thực hiện cộng sinh công nghiệp và hưởng chính sách hỗ trợ chuyên biệt về khu công nghiệp sinh thái thực hiện theo Nghị quyết này và pháp luật chuyên ngành.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Khu công nghiệp sinh thái* là khu công nghiệp, trong đó có doanh nghiệp

trong khu công nghiệp tham gia vào hoạt động sản xuất sạch hơn và sử dụng hiệu quả tài nguyên, có sự liên kết, hợp tác trong sản xuất để thực hiện hoạt động cộng sinh công nghiệp, đáp ứng các tiêu chí theo quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế.

Việc hình thành khu công nghiệp sinh thái không làm thay đổi pháp lý của khu công nghiệp. Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn chi tiết tiêu chí chính sách, biện pháp để hình thành khu công nghiệp sinh thái và lộ trình, cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi khu công nghiệp đang hoạt động thành khu công nghiệp sinh thái.

2. *Cộng sinh công nghiệp* là hoạt động hợp tác giữa các doanh nghiệp trong một khu công nghiệp hoặc trong các khu công nghiệp khác nhau để tối ưu hóa việc sử dụng hoặc tái sử dụng yếu tố đầu vào, đầu ra như nguyên liệu, vật liệu, nước, năng lượng, chất thải, phế liệu và yếu tố khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh góp phần giảm thiểu chất thải, tiết kiệm tài nguyên và nâng cao hiệu quả kinh tế.

3. *Doanh nghiệp sinh thái* là doanh nghiệp thực hiện đồng thời các giải pháp sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và cộng sinh công nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái, đáp ứng các tiêu chí theo quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế; trong đó nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trong khu công nghiệp sinh thái tuân thủ pháp luật môi trường, sử dụng hiệu quả tài nguyên, giảm phát thải, tham gia cộng sinh công nghiệp và công khai thông tin phát triển bền vững.

Ủy ban nhân dân thành phố hướng dẫn việc thu hút đầu tư, ưu đãi, hỗ trợ đầu tư, phát triển doanh nghiệp sinh thái theo quy định về cơ chế, chính sách đặc thù của thành phố Đồng Nai.

4. *Tiêu chuẩn ESG* là bộ tiêu chí dùng để đánh giá tính bền vững, tác động của hoạt động kinh doanh, đầu tư, sản xuất hay hiệu quả quản lý của một tổ chức, doanh nghiệp. Đây là bộ khung chuẩn giúp các tổ chức và nhà đầu tư xem xét dễ dàng hơn về các yếu tố phi tài chính, có vai trò quan trọng trong việc tạo ra giá trị lâu dài, cũng như quản lý rủi ro hiệu quả. Báo cáo ESG là tài liệu doanh nghiệp dùng để công bố thông tin và đo lường hiệu suất về ba yếu tố: Môi trường (Environment), Xã hội (Social) và Quản trị doanh nghiệp (Governance).

5. *Công nghệ sạch* là công nghệ phát thải ở mức thấp chất gây ô nhiễm môi trường theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, sử dụng ít tài nguyên không tái tạo hơn so với công nghệ hiện có” được quy định chi tiết tại Luật Chuyển giao công nghệ.

6. *Phát thải thấp* là quá trình hoặc trạng thái sản xuất, sinh hoạt và di chuyển tạo ra lượng khí thải, chất thải độc hại thấp hơn nhiều so với mức thông thường nhờ công nghệ sạch hoặc năng lượng tái tạo; đồng thời cũng là mức xả thải các chất ô nhiễm không khí (như bụi mịn, CO₂, NO_x) ra môi trường ở mức rất ít hoặc đã được kiểm soát nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn cho phép nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường, cải thiện chất lượng không khí và hạ thấp khí thải nhà kính để chống biến đổi khí hậu.

Chương II

MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2050

Điều 4. Mục tiêu tổng quát

Phát triển mô hình tăng trưởng mới trên cơ sở lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu; Hình thành hệ sinh thái công nghiệp xanh, tuần hoàn, thông minh và phát thải thấp trên địa bàn thành phố Đồng Nai; Phát triển cộng sinh công nghiệp trở thành một phương thức quan trọng trong tổ chức sản xuất; từng bước chuyển đổi các khu công nghiệp hiện hữu sang loại hình khu công nghiệp sinh thái; nâng cao hiệu quả sử dụng đất, tài nguyên, năng lượng và hạ tầng; nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng đáp ứng tiêu chuẩn môi trường - xã hội - quản trị (ESG) và yêu cầu của chuỗi cung ứng trong nước, khu vực và quốc tế theo các Nghị quyết về xây dựng, phát triển và quy hoạch của thành phố Đồng Nai.

Điều 5. Mục tiêu đến năm 2030

1. Hình thành cơ chế kết nối, hỗ trợ mạng lưới cộng sinh công nghiệp trên phạm vi Thành phố.

2. Xây dựng cơ sở dữ liệu tích hợp về tài nguyên, năng lượng, nước, chất thải, phụ phẩm, phát thải và các quan hệ cộng sinh.

3. Các khu công nghiệp có lộ trình đánh giá khả năng chuyển đổi sang loại hình khu công nghiệp sinh thái phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo đạt tỷ lệ 10% khu công nghiệp sinh thái (bao gồm chuyển đổi và thành lập mới) trên tổng số khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn Thành phố; ưu tiên chuyển đổi đối với các khu công nghiệp có điều kiện thuận lợi về hạ tầng, ngành nghề, mật độ doanh nghiệp và khả năng trao đổi tài nguyên.

4. Hình thành các mô hình cộng sinh công nghiệp, bao gồm:

- a) Tuần hoàn, tái sử dụng nước thải khi đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường;
- b) Trao đổi nhiệt, hơi và năng lượng;
- c) Tái sử dụng phụ phẩm, phế liệu;
- d) Chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng và dịch vụ (dùng chung hệ thống xử lý nước thải, cấp hơi, kho bãi, đào tạo, logistics);
- đ) Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- e) Công nghệ sạch và giảm phát thải.

Điều 6. Mục tiêu đến năm 2035

1. Nhân rộng loại hình khu công nghiệp sinh thái trên toàn Thành phố.

2. Hoàn chỉnh hệ thống dữ liệu phục vụ quản lý khu công nghiệp sinh thái, cộng sinh công nghiệp và ESG.

3. Tăng tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện giải pháp tiết kiệm tài nguyên, năng lượng, nước, giảm chất thải và giảm phát thải khí nhà kính.

Điều 7. Định hướng đến năm 2050

1. Hình thành hệ thống khu công nghiệp sinh thái hiện đại, có khả năng kết nối vùng và quốc tế.

2. Cộng sinh công nghiệp trở thành một cấu phần thường xuyên trong quy hoạch, đầu tư và vận hành khu công nghiệp.

3. Hình thành các chuỗi công nghiệp tuần hoàn, chuỗi cung ứng xanh và chuỗi giá trị phát thải thấp.

4. Kết nối khu công nghiệp với khu đô thị, trung tâm logistics, cơ sở nghiên cứu, đào tạo và các doanh nghiệp trên địa bàn.

5. Phát triển nền tảng dữ liệu công nghiệp phục vụ quản trị tài nguyên, môi trường, phát thải và ESG.

Chương III

CỘNG SINH CÔNG NGHIỆP VÀ HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI

Điều 8. Phát triển mạng lưới cộng sinh công nghiệp

1. Khuyến khích hình thành mạng lưới cộng sinh giữa các doanh nghiệp trong cùng khu công nghiệp, giữa các khu công nghiệp và giữa doanh nghiệp trong khu công nghiệp với doanh nghiệp, tổ chức bên ngoài.

2. Khuyến khích hình thành các chuỗi cộng sinh theo ngành, theo khu vực và theo dòng tài nguyên.

3. Ưu tiên dự án có từ 03 quan hệ cộng sinh công nghiệp trở lên hoặc có khả năng tạo chuỗi cộng sinh cho nhiều doanh nghiệp.

Điều 9. Hạ tầng khu công nghiệp sinh thái

1. Khuyến khích đầu tư, nâng cấp:

- a) Hệ thống cấp, thoát và tái sử dụng nước;
- b) Hệ thống thu gom, phân loại, tái chế chất thải;
- c) Hệ thống thu hồi nhiệt, hơi và năng lượng;
- d) Hệ thống năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng;
- đ) Hạ tầng logistics và kho bãi dùng chung;
- e) Hạ tầng số và dữ liệu;
- g) Các công trình phục vụ kinh tế tuần hoàn và giảm phát thải.

2. Chủ đầu tư hạ tầng khu công nghiệp được khuyến khích cung cấp hạ tầng, dịch vụ dùng chung nhằm giảm chi phí đầu tư riêng lẻ của doanh nghiệp.

Điều 10. Dự án cộng sinh công nghiệp ưu tiên

Thành phố ưu tiên hỗ trợ các dự án cộng sinh công nghiệp sau đây:

- 1. Tuần hoàn, tái sử dụng nước thải đã qua xử lý.
- 2. Trao đổi, thu hồi và sử dụng nhiệt, hơi, khí và năng lượng.
- 3. Sử dụng phụ phẩm, sản phẩm thứ cấp và nguyên liệu thứ cấp.
- 4. Thu hồi, tái chế và tái sử dụng chất thải.
- 5. Sử dụng chung hạ tầng, kho bãi và logistics.
- 6. Đầu tư công nghệ giảm phát thải khí nhà kính.
- 7. Đầu tư công nghệ sạch, công nghệ tuần hoàn và công nghệ sử dụng hiệu quả tài nguyên.
- 8. Xây dựng hệ thống dữ liệu phục vụ ESG và quản trị phát triển bền vững.

Chương IV

CHÍNH SÁCH ƯU ĐÃI VÀ HỖ TRỢ

Điều 11. Giảm tiền thuê đất

1. Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái theo quy định được giảm đến 50% tiền thuê đất hàng năm trong thời hạn 5 năm đối với

phần diện tích đất được Nhà nước giao, cho thuê để thực hiện dự án khu công nghiệp sinh thái. Thời hạn giảm tiền thuê đất được tính kể từ ngày Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái có hiệu lực.

2. Phần diện tích đất được hưởng chính sách giảm tiền thuê đất quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm diện tích đất được xác định trong dự án đầu tư (không áp dụng cho phần hạ tầng dùng chung đã được miễn theo quy định của Luật Đất đai 2024 và pháp luật có liên quan) để thực hiện các hạng mục sau:

- a) Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp sinh thái;
- b) Xây dựng công trình bảo vệ môi trường, hệ thống quan trắc tự động và giám sát môi trường tự động;
- c) Xây dựng hệ thống tái sử dụng nước, tuần hoàn tài nguyên;
- d) Xây dựng hệ thống thu hồi nhiệt, hơi và năng lượng tái tạo;
- đ) Xây dựng cơ sở xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải;
- e) Xây dựng các hạng mục công trình phục vụ mục tiêu giảm phát thải khí nhà kính và trung hòa các-bon;
- g) Thực hiện các hạng mục trực tiếp phục vụ hoạt động cộng sinh công nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với khu công nghiệp đang hoạt động được chuyển đổi và được công nhận là khu công nghiệp sinh thái, chính sách giảm tiền thuê đất được áp dụng đối với phần diện tích đất được xác định để thực hiện các hạng mục của khu công nghiệp sinh thái và đáp ứng điều kiện theo quy định.

4. Thời điểm bắt đầu tính thời hạn giảm tiền thuê đất 05 (năm) năm là ngày cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái có hiệu lực.

5. Trường hợp chủ đầu tư đã được hưởng chính sách miễn, giảm tiền thuê đất theo quy định khác của pháp luật thì không thực hiện giảm trùng lặp cho cùng một khoản tiền thuê đất và cùng một thời kỳ, trừ trường hợp cơ chế đặc thù áp dụng đối với Thành phố Đồng Nai có quy định khác.

6. Sau khi hết thời hạn giảm 05 (năm) năm tiền thuê đất, Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp tiếp tục được hưởng các chính sách ưu đãi tương tự khác nếu đáp ứng điều kiện theo pháp luật tại thời điểm áp dụng.

7. Trong thời gian hưởng chính sách, Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp phải duy trì các điều kiện, tiêu chí của khu công nghiệp sinh thái theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp bị thu hồi hoặc chấm dứt hiệu lực Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái do không còn đáp ứng điều kiện thì xem xét việc dừng hưởng ưu đãi từ thời điểm bị thu hồi.

9. Chính sách giảm tiền thuê đất quy định tại Điều này không áp dụng đối với phần diện tích không thuộc dự án khu công nghiệp sinh thái hoặc không phục vụ trực tiếp cho việc thực hiện dự án khu công nghiệp sinh thái.

10. Việc giảm tiền thuê đất không mặc nhiên làm phát sinh miễn, giảm các nghĩa vụ tài chính khác của chủ đầu tư, trừ trường hợp pháp luật hoặc cơ chế đặc thù có quy định.

11. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính,

hồ sơ, tổ chức triển khai thực hiện việc giảm tiền thuê đất, cơ chế kiểm tra và xử lý, thu hồi ưu đãi trong trường hợp không còn đáp ứng các điều kiện của khu công nghiệp sinh thái.

12. Việc thực hiện chính sách tại Điều này phải bảo đảm phù hợp với pháp luật đất đai, pháp luật ngân sách nhà nước và cơ chế, chính sách đặc thù áp dụng đối với thành phố Đồng Nai.

Điều 12. Hỗ trợ tín dụng xanh và tài chính

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái được ưu tiên vay vốn ưu đãi từ Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Quỹ Phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa và các quỹ, nhà tài trợ trong nước và quốc tế; được cấp tín dụng xanh tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài Việt Nam theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan; phát hành trái phiếu xanh theo quy định của pháp luật về phát hành trái phiếu, pháp luật về bảo vệ môi trường để xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp sinh thái, thực hiện các biện pháp sản xuất sạch hơn, sử dụng hiệu quả tài nguyên và cộng sinh công nghiệp.

2. Thành phố khuyến khích kết nối nhà đầu tư thứ cấp với Ngân hàng Nhà nước Chi nhánh khu vực 2, các tổ chức tín dụng, Quỹ Bảo vệ môi trường Thành phố và các tổ chức tài chính để triển khai vốn cho các dự án:

- a) Công nghệ sạch;
- b) Tiết kiệm năng lượng;
- c) Tái sử dụng nước thải đã qua xử lý;
- d) Tái chế, tái sử dụng chất thải;
- đ) Cộng sinh công nghiệp;
- e) Giảm phát thải khí nhà kính;
- g) Chuyển đổi số và ESG.

3. Đối với dự án chuyển đổi thành khu công nghiệp sinh thái đủ điều kiện hưởng hỗ trợ của Thành phố, ngân sách thành phố thực hiện hỗ trợ lãi suất sau đầu tư với mức hỗ trợ tối đa không quá 4%/năm. Ủy ban nhân dân thành phố căn cứ tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách theo từng giai đoạn để quy định mức hỗ trợ cụ thể cho từng loại hình dự án.

4. Việc cho vay, quyết định hạn mức, điều kiện tín dụng và quản trị rủi ro của tổ chức tín dụng thực hiện theo pháp luật về ngân hàng.

5. Quỹ Bảo vệ môi trường thành phố ưu tiên cấp vốn vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất hoặc tài trợ một phần chi phí cho dự án khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

6. Khuyến khích tham gia thị trường tín chỉ carbon, tạo nguồn thu từ giảm phát thải, phát triển năng lượng tái tạo, mua bán điện dư theo Luật Năng lượng, các quy định cơ chế mua bán điện trực tiếp giữa đơn vị phát điện năng lượng tái tạo và khách hàng sử dụng điện lớn và phát triển điện năng lượng tái tạo, điện năng lượng mới.

7. Nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái và doanh nghiệp sinh thái được ưu tiên tham gia các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, chương trình xúc tiến đầu tư do các cơ quan nhà nước

tổ chức, quản lý.

8. Doanh nghiệp trong khu công nghiệp sinh thái được ưu tiên cung cấp thông tin có liên quan về thị trường công nghệ, khả năng hợp tác để thực hiện cộng sinh công nghiệp trong lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Điều 13. Giảm thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính

1. Thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính đối với khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thành phố được thực hiện không quá 80% thời gian theo quy định hiện hành, trừ trường hợp pháp luật quy định thời hạn bắt buộc không được rút ngắn.

2. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quy định chi tiết đối với các thủ tục hành chính được rút ngắn thời gian giải quyết để thúc đẩy hình thành khu công nghiệp sinh thái.

3. Không áp dụng việc rút ngắn thời gian đối với thủ tục thuộc thẩm quyền của cơ quan trung ương hoặc trường hợp pháp luật không cho phép rút ngắn.

Điều 14. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ thực hiện dự án phát triển doanh nghiệp sinh thái, dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp sinh thái được áp dụng mức thuế suất quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và được áp dụng mức miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chương V

CHỨNG NHẬN KHU CÔNG NGHIỆP SINH THÁI, DOANH NGHIỆP SINH THÁI

Điều 15. Trách nhiệm tiếp nhận, lấy ý kiến việc đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái và cấp Giấy chứng nhận

1. Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế là cơ quan đầu mối: Tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị liên quan đến việc đáp ứng các tiêu chí xác định khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh, trình cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái hoặc xem xét cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp sinh thái theo quy định; Đề xuất việc chấm dứt hiệu lực và thu hồi Giấy chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái; Chứng nhận lại khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái; Xây dựng cơ sở dữ liệu, theo dõi, giám sát, báo cáo định, phối hợp các cơ quan, đơn vị thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết này.

2. Trình tự, hồ sơ, tiêu chí, thời gian giải quyết, hiệu lực thực hiện theo quy định về quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế hiện hành.

3. Không thu phí, lệ phí cấp chứng nhận khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Điều khoản chuyển tiếp

1. Khu công nghiệp và nhà đầu tư thứ cấp hoạt động trước ngày Nghị quyết có hiệu lực được ưu tiên, khuyến khích tham gia cơ chế cộng sinh công nghiệp và chuyển đổi thành khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái.

2. Trường hợp văn bản pháp luật hoặc cơ chế đặc thù mới quy định chính sách có lợi hơn thì thực hiện theo quy định mới kể từ thời điểm có hiệu lực.

3. Trường hợp nội dung quy định được dẫn chiếu trong Nghị quyết này có sự điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan Trung ương hoặc thực hiện đồng thời Nghị quyết này và quy định cơ chế, chính sách phát triển thành phố theo Luật Phát triển đô thị.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này, bảo đảm đồng bộ với các cơ chế, chính sách đặc thù của thành phố Đồng Nai và định kỳ hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc triển khai, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố về kết quả thực hiện theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên giám sát và vận động Nhân dân cùng tham gia giám sát thực hiện Nghị quyết này; phản ánh kịp thời tâm tư, nguyện vọng và kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa ..., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2026./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, Nội vụ;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội thành phố;
- Thường trực HĐND thành phố;
- UBND thành phố;
- Ủy ban MTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành của thành phố;
- Văn phòng: Thành ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND thành phố;
- Đảng ủy, Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;

CHỦ TỊCH

- Báo và Phát thanh,
Truyền hình Đồng Nai;
- Công báo điện tử thành phố;

Lưu: VT, PCTHĐND.